

Bản án số: 16/2021/DS - ST.

Ngày: 24 - 3 - 2021.

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phụng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rục;

2. Ông Nguyễn Kim Phước.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Buôn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2020/TLST-DS ngày 09/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST - DS, ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Trần Thanh H, sinh năm 1985 và bà Lý Thị Diễm B, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: Số nhà X, ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1946; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện lập ngày 21/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Trần Thanh H và bà Lý Thị Diễm B trình bày:* Từ năm 2019 đến năm 2020 ông Lê Trần Thanh H và bà Lý Thị Diễm B có tham gia 04 dây hui (chứng hui) do bà Nguyễn Thị Lệ H làm chủ hui, cụ thể như sau:

Dây hui thứ nhất: Hui mở ngày 15/01/2019 âm lịch, loại hui 2.000.000đồng/chung, một tháng khai một lần, gồm 24 phần hui, trong dây hui này ông H, bà B tham gia 01 phần hui và đóng được 18 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà H tuyên bố không khai hui nữa. Tổng số tiền hui bà H còn nợ ông H, bà B trong dây hui này là 36.000.000đồng.

Dây hội thứ hai: Hội mở ngày 10/7/2019 âm lịch, loại hội 2.000.000đồng /chung, một tháng khui một lần, gồm 28 phần hội, trong dây hội này ông H, bà B tham gia 02 phần hội và đóng được 24 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà H tuyên bố không khui hội nữa. Tổng số tiền hội bà H còn nợ ông H, bà B trong dây hội này là 48.000.000đồng.

Dây hội thứ ba: Hội mở ngày 15/10/2019 âm lịch, loại hội 2.000.000đồng /chung, một tháng khui một lần, gồm 25 phần hội, trong dây hội này ông H, bà B tham gia 01 phần hội và đóng được 09 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà H tuyên bố không khui hội nữa. Tổng số tiền hội bà H còn nợ ông H, bà B trong dây hội này là 18.000.000đồng.

Dây hội thứ tư: Hội mở ngày 15/4/2020 âm lịch, loại hội 2.000.000đồng /chung, một tháng khui một lần, gồm 25 phần hội, trong dây hội này ông H, bà B tham gia 02 phần hội và đóng được 04 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà H tuyên bố không khui hội nữa. Tổng số tiền hội bà H còn nợ ông H, bà B trong dây hội này là 8.000.000đồng.

Tổng số tiền 04 dây hội bà H còn nợ ông H và bà B là 110.000.000đồng. Sau đó bà H có trả cho ông H và bà B được 10.700.000đồng, số tiền còn lại là 99.300.000đồng (Chín mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) đến nay chưa trả.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc bà Nguyễn Thị Lệ H có trách nhiệm trả số tiền nợ hội là 94.300.000đồng (Chín mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng) cho ông Lê Trần Thanh H và bà Lý Thị Diễm B.

- *Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 19 tháng 10 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về việc bà H có đứng ra làm chủ hội 04 dây hội theo các hợp đồng góp hội như nội dung khởi kiện của ông Lê Trần Thanh H và bà Lý Thị Diễm B là đúng. Bà H thừa nhận hiện nay tổng số tiền hội bà còn nợ ông H và bà B là 94.300.000đồng (Chín mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) theo yêu cầu của ông H, bà B. Đối với số tiền nợ hội này bà đồng ý có trách nhiệm trả cho ông H và bà B, tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh bà đang gặp khó khăn về vấn đề kinh tế nên bà xin được trả dần số tiền nợ hội này cho ông H, bà B với phương thức 03 tháng trả một lần số tiền 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 18, Điều 23, khoản 1 Điều

25 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hộ, hội, biểu, phường chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền hội là 94.300.000đồng (Chín mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2020 nguyên đơn ông Lê Trần Thanh H và bà Lý Thị Diễm B yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hội với bị đơn là bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1946; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H hoàn trả số tiền hội là 94.300.000đồng (Chín mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H và bà B không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Trần Thanh H và bà Lý Thị Diễm B, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông H, bà B và bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H đều thống nhất xác định ông H, bà B có tham gia 04 dây hội (chung hội) do bà H làm chủ hội, cụ thể: Dây hội thứ nhất: Hội mở ngày 15/01/2019 âm lịch, loại hội 2.000.000đồng/chung, một tháng khui một lần, gồm 24 phần hội, trong dây hội này ông H, bà B tham gia 01 phần hội và đóng được 18 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà H tuyên bố không khui hội nữa. Tổng số tiền hội bà H còn nợ ông H, bà B trong dây hội này là 36.000.000đồng; Dây hội thứ hai: Hội mở ngày 10/7/2019 âm lịch, loại hội 2.000.000đồng/chung, một tháng khui một lần, gồm 28 phần hội, trong dây hội này ông H, bà B tham gia 02 phần hội và đóng được 24 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà H tuyên bố không khui hội nữa. Tổng số tiền hội bà H còn nợ ông H, bà B trong dây hội này là 48.000.000đồng; Dây hội thứ ba: Hội mở ngày 15/10/2019 âm lịch, loại hội 2.000.000đồng/chung, một tháng khui một lần, gồm 25 phần hội, trong dây hội này ông H, bà B tham gia 01 phần hội và đóng được 09 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà H tuyên bố không khui hội nữa. Tổng số tiền hội bà H còn nợ ông H, bà B trong dây hội này là 18.000.000đồng; Dây hội thứ tư: Hội mở ngày 15/4/2020 âm lịch, loại hội 2.000.000đồng/chung, một tháng khui một lần, gồm 25 phần hội, trong dây hội này ông H, bà B tham gia 02 phần hội và đóng được 04 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà H tuyên bố không khui hội nữa. Tổng số tiền hội bà H còn nợ ông H, bà B trong dây hội này là 8.000.000đồng. Tổng số tiền 04 dây hội bà H còn nợ ông H và bà B là 110.000.000đồng. Sau đó bà H có trả cho ông H và bà B được 10.700.000đồng, số tiền còn lại là 99.300.000đồng đến nay chưa trả, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn bà H có nghĩa

vụ trả số tiền là 94.300.000đồng (Chín mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng), bà H thống nhất hiện nay bà còn nợ ông H, bà B số tiền này. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định việc giao kết hợp đồng góp hui giữa bà Phượng và bà H là có thật, hiện nay bà H còn nợ ông H và bà B số tiền nợ hui là 94.300.000đồng (Chín mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

[4] Xét về hợp đồng góp hui giữa ông H, bà B và bà H thì tại thời điểm xác lập hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, các bên tự nguyện giao kết hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 117, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7, 8, khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 23, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hui, biêu, phường nên các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận. Do bà H tự ý tuyên bố ngưng mở hui đối với các dây hui trên vào ngày 29/6/2020 âm lịch, do đó bà H đã vi phạm thỏa thuận nên việc ông H và bà B yêu cầu bà H hoàn trả số tiền hui còn nợ là 94.300.000đồng (Chín mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với việc bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H yêu cầu được trả dần số tiền nợ hui 94.300.000đồng (Chín mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng) với phương thức 03 tháng trả một lần với số tiền là 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ cho ông H và bà B. Nguyên đơn ông H và bà B không đồng ý và yêu cầu bị đơn trả đủ một lần số tiền nợ này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 4.715.000đồng (Bốn triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Lê Trần Thanh H và bà Lý Thị Diễm B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7, 8, khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 23, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hui, biêu, phường); điểm đ khoản 1

Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[2] Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trần Thanh H và bà Lý Thị Diễm B buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H và bà B số tiền hui là 94.300.000đồng (Chín mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Lê Trần Thanh H và bà Lý Thị Diễm B có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Lệ H phải trả lãi cho ông H và bà B đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Lê Trần Thanh H và bà Lý Thị Diễm B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông H, bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.482.500đồng (Hai triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0007227, ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Bảo